

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2020/DS-PT

Ngày 21-9-2020

V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Đặng Thị Đồng;

2. Bà Trần Thị Kim Sang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Đại Triều, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 5, ngày 09, ngày 16 và ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 51/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện H (nay là thị xã H, từ đây viết là thị xã H), tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2020 và Thông báo ngày xét xử số: 13/TB-TA ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

- Bà Phạm Thị X, sinh năm 1950; cư trú tại: Số 7/5, ấp Â, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 1960; cư trú tại: Số 11, ấp Â, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1967; cư trú tại: Số 7/5B, ấp Â, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà X, bà C, bà M: Ông Phạm Văn R, sinh năm 1958; cư trú tại: Số 11, ấp Â, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (theo Giấy ủy quyền ngày 05-3-2020); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn P, sinh năm 1969 và bà Trần Ngọc H, sinh năm 1970; cư trú tại: Số 7/5 (số mới 15), ấp Â, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; ông P, bà H có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1952; cư trú tại: Tổ 19, ấp X, xã H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Phạm Văn To, sinh năm 1956; cư trú tại: 4/12, ấp D, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Phạm Văn R, sinh năm 1958; cư trú tại: Số 11, ấp Â, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bà Phạm Thị S, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 4/13, ấp Ch, xã LV, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1971; cư trú tại: Số 55, ấp LT, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Ngọc Hu, sinh năm 1968 và chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1989 (là vợ, con của ông Phạm Văn A); cư trú tại: Số 57, ấp LT, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Bùi Thanh Mi, sinh năm 1991; cư trú tại: Số 7/5B, ấp Â, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Phan Thanh B, sinh năm 1970; cư trú tại: Số 454, ấp Â, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Mo, sinh năm 1957; cư trú tại: ấp Â, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị M là nguyên đơn; ông Phạm Văn R là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-11-2017; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 14-10-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị X, ông Phạm Văn R trình bày: Cha, mẹ của bà X là cụ Phạm Văn S, sinh năm 1923, chết năm 1990; mẹ là cụ Đặng Thị Đ, sinh năm 1928, chết năm 2002; cha, mẹ chết không để lại di chúc. Cụ Sách, cụ Đ chung sống có 10 người con gồm: Bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn To, ông Phạm Văn R, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn A, sinh năm 1965, chết năm 2015 (có vợ tên Nguyễn Ngọc Hu và 01 người con tên Phạm Thị Ngọc T), bà Phạm Thị M, ông Phạm Văn P, và bà Phạm Thị Ng.

Tài sản chung 02 cụ đã tạo lập được, gồm: 25.000 m² đất tọa lạc ấp Á; 13.000 m² đất tọa lạc ấp D, cùng xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; 28.000 m² đất tọa lạc ấp LĐ, xã LV, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Năm 1985, 02 cụ đã chia đất cho các con, cụ thể như sau:

- Diện tích đất vườn khoảng 25.000 m² tọa lạc ấp Á, xã Đ phân chia cho ông Phạm Văn R 4.600 m²; ông Phạm Văn To, ông Phạm Văn A mỗi người 4.000 m²; bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị M mỗi người 2.000 m². Sau khi được chia đất ấp Á, ông To đổi với cha, mẹ lấy 6.000 m² đất tọa lạc ấp D. Thời điểm này ông P còn nhỏ, chung sống với cha, mẹ nên chưa được phân chia đất. Hiện ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 12.967 m².

- Diện tích đất ruộng 13.000 m² tọa lạc ấp D, xã Đ phân chia cho bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị C mỗi người 3.000 m², diện tích còn lại khoảng 6.000 m² ông To quản lý, sử dụng (đổi diện tích 4.000 m² tọa lạc ấp Á). Hiện nay ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6.125 m² (thực tế đo đạc 5.924,9 m²)

- Diện tích đất ruộng 28.000 m² tọa lạc ấp LĐ, xã LV, huyện C, tỉnh Tây Ninh phân chia cho ông Phạm Văn To, ông Phạm Văn R, ông Phạm Văn A mỗi người 5.000 m²; phân chia cho bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị S mỗi người 2.000 m²; phân chia cho ông Phạm Văn P 5.000 m², nhưng ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 13.000 m². Năm 2015, ông P chuyển nhượng diện tích này cho ông Võ Văn Đ số tiền 290.000.000 đồng; năm 2018 ông Đ tiếp tục chuyển nhượng diện tích này lại cho ông Nguyễn Văn Mo và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà X yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông P, bà H có nghĩa vụ chia cho bà X 2.000 m² đất tọa lạc ấp Á, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh bằng giá trị tương đương số tiền 400.000.000 đồng; yêu cầu ông P, bà H chia cho bà 3.000 m² đất tọa lạc ấp D, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh và làm thủ tục tách sổ sang tên cho bà. Đối với diện tích đất đã chia cho ông To, ông R, ông A và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà không tranh chấp.

Theo đơn khởi kiện ngày 28-11-2017; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 14-10-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn R là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị C trình bày: Bà C thừa nhận về quan hệ huyết thống giữa cha, mẹ, con và anh, chị, em cũng như tài sản cha, mẹ tạo lập được và đã phân chia cho các con khi còn sống đúng như lời trình bày của bà X. Bà C yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông P, bà H có nghĩa vụ chia cho bà C 2.000 m² đất tọa lạc ấp Á, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh bằng giá trị tương đương số tiền 400.000.000 đồng; yêu cầu ông P, bà H chia cho bà 3.000 m² đất tọa lạc ấp D, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh và làm thủ tục tách sổ sang tên cho bà. Đối với diện tích đất đã chia cho ông To, ông R, ông A và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà không tranh chấp.

Theo đơn khởi kiện ngày 28-11-2017; đơn khởi kiện bổ sung ngày 28-3-2019; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 14-10-2019; đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 10-10-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn R là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị M trình bày: Bà M thừa nhận về quan hệ huyết thống giữa cha, mẹ, con và anh, chị, em; về tài sản cha, mẹ tạo lập được đã phân chia cho các con khi còn sống đúng như lời khai của bà X, bà C. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M rút lại một phần yêu cầu chia đối với 2.000 m² đất ruộng tọa lạc ấp LĐ, xã LV, huyện C, tỉnh Tây Ninh, không yêu cầu ông P, bà H trả cho bà diện tích đất trên.

Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông P, bà H có nghĩa vụ chia cho bà M 2.000 m² đất vườn tọa lạc ấp Á, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh bằng giá trị tương đương số tiền 400.000.000 đồng, bà M đồng ý trả lại cho ông P số tiền 25.000.000 đồng đã nhận để chuyển nhượng 500 m² cho ông P theo “Giấy mua bán đất” ngày 02-5-2015. Đối với diện tích đất đã chia cho ông To, ông R, ông A và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà không tranh chấp.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 28-3-2019; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện độc lập ngày 14-10-2019 của ông Phạm Văn R là người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan và lời khai của người đại diện hợp pháp của ông R trình bày:
Ông R thống nhất về quan hệ huyết thống giữa cha, mẹ, con và anh, chị, em trong gia đình như lời trình bày của bà X. Nay bà X, bà C, bà M yêu cầu ông P chia di sản thừa kế do cha mẹ chết để lại, ông R có ý kiến như sau:

- Đối với diện tích đất vườn 12.939 m² tọa lạc ấp Ân, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, chia cho bà X, bà C và bà M mỗi người 2.000 m², còn lại 6.939 m² trừ diện tích 4.000 m² cha, mẹ cho ông P, diện tích còn lại 2.939 m² ông R yêu cầu chia cho ông $\frac{1}{2}$ là 1.469,5 m² và nhận bằng tiền là 293.900.000 đồng (1.469,5 m² x 200.000 đồng/01m² = 293.900.000 đồng).

- Đối với diện tích 13.232 m² tọa lạc ấp LĐ, xã LV, huyện C ông P đã chuyển nhượng được số tiền 290.000.000 đồng, bà M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích này, nên ông R đồng ý trừ 5.000 m² cho ông P, còn lại 8.232 m² ông R yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ là 4.116 m² và nhận bằng tiền 90.206.000 đồng (4.116m² x 21.916 đồng/01m² = 90.206.000 đồng). Đối với diện tích đất đã chia cho ông To, ông A và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không tranh chấp.

Bị đơn ông Phạm Văn P trình bày: Ông P thống nhất về quan hệ huyết thống giữa cha, mẹ, con và anh, chị, em như bà X, bà C, bà M trình bày; cha mẹ chết không để lại di chúc. Khi còn sống, cha mẹ có tạo lập được tài sản chung gồm: Khoảng 25.000 m² đất tọa lạc ấp Ân; khoảng 12.000 m² đất tọa lạc ấp D, cùng xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; khoảng 28.000 m² đất tọa lạc ấp LĐ, xã LV, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Năm 1985 cha, mẹ chia đất cho anh, chị, em ông cụ thể như sau:

- Diện tích đất vườn khoảng 25.000m² tọa lạc ấp Ân phân chia cho ông To, ông R, ông A và ông mỗi người khoảng 3.500 m²; các chị, em gái gồm bà X, bà N, bà C, bà S, bà M, bà Ng từ chối không nhận, nên gia đình thống nhất giao toàn bộ diện tích đất còn lại cho ông quản lý, sử dụng vì ông là con trai út còn phải phụng dưỡng cha mẹ già. Năm 1996, ông được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 12.967 m², trên đất có 03 căn nhà, gồm nhà tạm của bà X, bà C; 01 nhà tạm của bà M và 01 căn nhà xây của gia đình ông.

- Phần đất ruộng diện tích khoảng 12.000 m² tọa lạc ấp D, do ông To đòi 3.500 m² đất tại ấp Ân lấy 6.000 m² đất ấp D, nên còn lại 6.000 m², cha, mẹ giao cho ông quản lý, sử dụng. Năm 1996, ông được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 6.125 m² nhưng bà X, bà C là người trực tiếp quản lý, canh tác từ trước cho đến nay.

- Diện tích đất ruộng khoảng 28.000m² tọa lạc ấp LĐ, xã LV, huyện C, tỉnh Tây Ninh chia cho ông To, ông R, ông A và ông mỗi người 5.000 m²; diện tích còn lại thống nhất giao cho ông quản lý, sử dụng để canh tác chăm lo cho cha, mẹ. Năm 1995, ông được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 13.232 m²; năm 2015, ông đã chuyển nhượng diện tích này cho ông Võ Văn Đ số tiền 280.000.000 đồng, ông P đồng ý:

- Làm thủ tục cho bà X đứng tên 3.000 m² đất tọa lạc ấp D; đối với diện tích đất vườn tọa lạc ấp Â, ông P chỉ đồng ý chia cho bà X diện tích 1.000 m² đang quản lý.

- Làm thủ tục cho bà C đứng tên 3.000 m² đất tọa lạc ấp D; đối với diện tích đất vườn tọa lạc ấp Â, ông P chỉ đồng ý chia cho bà C diện tích 1.000 m² đang quản lý.

- Ông P chỉ đồng ý chia cho bà M diện tích 1.000 m² đất vườn tọa lạc ấp Â, nhưng ngày 02-5-2015 bà M đã chuyển nhượng cho ông diện tích 500 m², nên ông đồng ý tiếp tục giao cho bà M diện tích 500 m² đang quản lý.

Ông R yêu cầu ông chia diện tích 1.469,5 m² tọa lạc ấp Â, xã Đ, thị xã H tương đương số tiền 293.900.000 đồng và chia diện tích 4.116 m² tọa lạc ấp LĐ, xã LV, huyện C tương đương số tiền 90.206.000 đồng ông không đồng ý, vì diện tích đất này cha, mẹ tặng cho và ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1995. Đối với diện tích đất đã chia cho ông To, ông R, ông A và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không tranh chấp.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông P chồng bà, bà không có ý kiến bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn To, bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị Ng trình bày: Bà N, ông To, bà S, bà Ng thống nhất về quan hệ huyết thống giữa cha, mẹ, con và anh, chị, em trong gia đình đúng như lời khai của bà X, bà C, bà M. Khoảng năm 1985, khi cụ S, cụ Đ còn sống tặng cho đất tại xã Đ, huyện H và đất xã LV, huyện C cho các anh, em trai gồm ông To, ông R, ông A và ông P; còn chị, em gái từ chối không nhận. Sau đó, diện tích đất tặng cho anh, em trai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Bà X không có chồng, bà C, bà M có chồng và sau đó ly hôn quay về, nên cha mẹ cho đất cất nhà ở trên phần đất tranh chấp với ông P, bà H hiện nay. Bà X, bà C yêu cầu chia đất với ông P mỗi người 3.000 m² tọa lạc ấp D các ông, bà đồng ý; còn bà X, bà C, bà M yêu cầu chia diện tích đất đang sinh sống tọa lạc ấp Â, do ông P quyết

định. Các ông, bà không yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất của cha, mẹ chết để lại mà ông To, ông R, ông A và ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Ng còn trình bày, riêng ông R yêu cầu ông P chia đất cho ông, bà Ng không đồng ý, vì ông R đã được chia và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Hu trình bày: Bà là vợ của ông Phạm Văn A (chết), khi cha mẹ chồng còn sống đã chia đất cho các anh, chị, em trong đó có chia cho vợ, chồng bà. Nay bà X, bà C, bà M yêu cầu chia đất với ông P bà không có ý kiến và bà cũng không tranh chấp liên quan trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Ngọc T trình bày: Chị là con của ông Phạm Văn A, khi ông bà nội của chị còn sống đã chia đất cho các bác, cô, chú. Nay bà X, bà C, bà M yêu cầu chia đất với ông P, chị không có ý kiến, cá nhân chị không tranh chấp yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản ông bà chết để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Thanh Mi trình bày: Anh là con ruột và chung sống với mẹ là bà Phạm Thị M. Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà M yêu cầu ông P, bà H chia diện tích đất 2.000 m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh Bình trình bày: Tháng 4-2018, ông thuê của bà X, bà C diện tích khoảng 6.000 m² tọa lạc ấp D, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh để trồng lúa, thời hạn thuê 05 năm với số tiền 15.000.000 đồng và ông đã giao tiền đủ, khi thuê đất hai bên có viết giấy tay. Nay bà X, bà C yêu cầu ông P, bà H làm thủ tục sang tên phần đất này, ông P, bà H đồng ý làm thủ tục sang tên, nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, do đó ông không có ý yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Mo trình bày: Năm 2018, ông có nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn Đ 13.232 m² đất ruộng tọa lạc ấp LĐ, xã LV, huyện C, tỉnh Tây Ninh, giá 300.000.000 đồng, sau đó ông biết đất này có nguồn gốc của ông P. Đất ông nhận chuyển nhượng được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07-8-2018. Ông R tranh chấp đất với ông P do cơ quan có thẩm quyền giải quyết, ông không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Áp dụng Điều 688, Điều 722 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 36, 38 Luật Đất đai năm 1993; khoản 3 Điều 100 và khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị M đối với ông Phạm Văn P và bà Trần Ngọc H.

Bà Phạm Thị X và bà Phạm Thị C được quyền sử dụng phần đất diện tích 5.924,9 m², tại thửa đất số 10, 14, 27, 28, 40 (thửa đất cũ số 279, 280, 281, 314), tờ bản đồ số 31 (bản đồ cũ số 04) tọa lạc ấp D, xã Đ, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12-10-1996 do ông Phạm Văn P đứng tên, đất có tứ cận: Đông giáp nương nước, dài 27,78 m + 35,37 m + 40,88 m; Tây giáp thửa số 15, 29, 39, dài 29,27 m + 20 m + 13,09 m + 31,65 m + 20,11 m; Nam giáp đường bờ, dài 63,2 m + 12 m; Bắc giáp tờ bản đồ số 24, dài 26,76 m + 21,2 m.

Bà Phạm Thị X và bà Phạm Thị C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên theo quy định của Luật Đất đai.

Ông Phạm Văn P, bà Trần Ngọc H được quyền sử dụng phần đất diện tích 12.939 m², thửa đất số 300 (thửa đất cũ số 218, thửa 229), tờ bản đồ số 32 (bản đồ cũ số 14-4) tọa lạc ấp Â, xã Đ, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08-11-1996 do ông Phạm Văn P, đất có tứ cận: Đông giáp thửa số 317, dài 21,65 m + 10,95 m + 15,8 m + 71,5 m; Tây giáp thửa số 288, 301, dài 89 m + 37,2 m; Nam giáp tờ bản đồ số 38, dài 15,2 m + 17 m + 8,5 m + 8,2 m + 7,65 m + 25,4 m + 32,2 m; Bắc giáp thửa số 354, 282, 353, 507, 508, dài 26 m + 56,3 m + 12,9 m.

Buộc bà X và bà C tháo dỡ căn nhà tạm A, móng gạch, nền gạch tàu, tường xây gạch không tô, cửa khung sắt đóng tole, cột gạch, kèo đòn tay gỗ tạp không trần, mái tole diện tích 50,74 m²; buộc bà M tháo dỡ căn nhà tạm A, nền xi măng, cột bê tông, xi măng đúc sẵn, cửa cây, kèo đòn tay gỗ tạp, vách tole, không trần, mái tole diện tích 31,97 m² và phần mái che diện tích 36,34 m² trả lại quyền sử dụng đất tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32 tọa lạc ấp Â, xã Đ, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh cho ông P, bà H.

Bà X, bà C, bà M được lưu cư trên nhà đất nêu trên trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn lưu cư buộc bà X, bà C, bà M có nghĩa vụ di dời toàn bộ tài sản, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình đến nơi khác sinh sống trả lại phần đất tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 32 tọa lạc ấp Ân, xã Đ, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây cho ông P, bà H.

Ông Phạm Văn P, bà Trần Ngọc H có nghĩa vụ giao lại cho bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị C mỗi người số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu); giao lại cho bà Phạm Thị M số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu).

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn R yêu cầu ông Phạm Văn P, bà Trần Ngọc H chia số tiền 384.106.000 đồng (ba trăm tám mươi bốn triệu một trăm lẻ sáu nghìn).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 25-11-2019, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị M kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 25-11-2019, ông Phạm Văn R kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và chấp nhận yêu cầu độc lập của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà X, bà C, bà M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông P chia cho mỗi người 2.000 m² đất tại ấp Ân, xã Đ; tài sản trên đất bà X, bà C, bà M không tranh chấp. Đối với diện tích đất 6.000 m² tọa lạc tại ấp D, xã Đ ông P, bà H đồng ý sang tên quyền sử dụng nên bà X, bà C không tranh chấp và không kháng cáo diện tích đất này. Bà X, bà C, bà M không yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất cha, mẹ chia cho ông To, ông R, ông A.

Ông R không tranh chấp chia thừa kế đối với diện tích đất cha, mẹ chia cho ông To, ông A, ông chỉ yêu cầu chia thừa kế một phần diện tích đất ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trị giá 330.106.000 đồng.

Bà Ng đồng ý nhường phần được hưởng thừa kế của bà lại cho ông P,

Ông P bà H đồng ý chia cho bà X, bà C mỗi người 1.000 m²; chia cho bà M 500 m² và đồng ý mở con đường hiện trạng theo sơ đồ đo đạc rộng 04 m trên diện tích còn lại; đất tọa lạc tại ấp Ân, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Ông P đồng ý chia bà X, bà C diện tích 6.000 m² tọa lạc tại ấp D, xã Đ. Đối với yêu cầu chia thừa kế

của ông R, ông P không đồng ý. Ông P không tranh chấp đối với diện tích đất cha, mẹ chia cho ông To, ông R, ông A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Diện tích đất bà X, bà C, bà M tranh chấp với ông P, bà H là di sản thừa kế của cha, mẹ chết để lại và bà X, bà C, bà M quản lý diện tích đất này từ trước cho đến nay. Do đó các nguyên đơn kháng cáo, trong đó bà X, bà C yêu cầu ông P chia thừa kế diện tích 2.000 m²; bà M 1.500 m² là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông R; sửa án sơ thẩm về quan hệ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà X, bà C, bà M khởi kiện ông P đòi lại diện tích đất 2.000 m² được thừa hưởng của cha, mẹ chết để lại nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Theo lời trình bày của đương sự, năm 1985, cụ S, cụ Đ có chia đất các con, gồm ông To, ông R, ông A, ông P, bà X, bà C và bà M, nhưng không lập thành văn bản. Ngày 16-11-1990 cụ S chết, không để lại di chúc, đến năm 1995, năm 1996 ông To, ông R, ông A, ông P được Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không cung cấp được văn bản có ý kiến của các anh, em là hàng thừa kế của cụ S đồng ý. Do đó việc tranh chấp của bà X, bà C, bà M, ông R yêu cầu ông P, bà H chia diện tích đất cha, mẹ chết để lại ông P đang quản lý là quan hệ về “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử vụ án này xác định quan hệ “Tranh chấp quyền sử dụng đất” nhưng chia theo thừa kế tài sản là sai, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã đưa đầy đủ những người thuộc hàng thừa kế của cụ S, cụ Đ vào tham gia tố tụng nên không cần hủy án.

[2] Cụ Phạm Văn S, sinh năm 1923, chết năm 1990; cụ Đặng Thị Đ, sinh năm 1928, chết năm 2002 không để lại di chúc. Hai cụ chung sống có 10 người con gồm: Bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn To, ông Phạm Văn R, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn A, sinh năm 1965, chết năm 2015 (vợ tên Nguyễn Ngọc Hu và 01 người con tên Phạm Thị Ngọc T), bà Phạm Thị M, ông Phạm Văn P và bà Phạm Thị Ng. Hai cụ không có con riêng, con nuôi.

[3] Tại sản hai cụ đã tạo lập gồm: khoảng 25.000 m² đất tọa lạc ấp Á; khoảng 13.000 m² đất tọa lạc ấp D, cùng xã Đ, thị xã H và khoảng 28.000 m² đất tọa lạc ấp LĐ, xã LV, huyện C, tỉnh Tây Ninh đều chưa được cấp giấy. Hàng thừa kế cụ S, cụ Đ khai, năm 1985 hai cụ chia đất các người con trai, gồm ông To, ông R, ông A, ông P; riêng bà X, bà C, bà M cho cất nhà ở. Bà X, bà N, ông To, ông R, bà C, bà S, bà M, ông P, bà Ng và bà Hu, chị T không tranh chấp đối với diện tích đất ông To, ông R, ông A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc cụ S, cụ Đ tặng cho. Đối với diện tích đất ông P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng bà N, ông To, bà S, bà Ng và bà Hu, chị T không tranh chấp; bà X, bà C, bà M, ông R yêu cầu chia thừa kế.

[4] Bà X, bà C, bà M khởi kiện yêu cầu ông P chia di sản thừa kế của cụ S, cụ Đ chết để lại mỗi người diện tích 2.000 m² tại một phần thửa đất số 218, 229, bản đồ số 14-4; thửa mới số 300, tờ bản đồ mới số 32 tọa lạc ấp Á, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, trong tổng diện tích 12.967 m² (diện tích đo đạc thực tế 12.916,5 m²) ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấy rằng, diện tích đất này cụ S, cụ Đ chia cùng thời điểm với ông To, ông R, ông A và hai cụ hứa cho đất bà X, bà C, bà M cất nhà ở nhưng không cụ thể cho diện tích bao nhiêu, từ trước đến nay bà X quản lý, sử dụng 884 m²; bà C quản lý, sử dụng 882,5 m², bà M quản lý, sử dụng 2.212,4 m², ngày 02-5-2015, bà M chuyển nhượng lại cho ông P diện tích 500 m², giá 25.000.000 đồng đã nhận đủ tiền, bà M đang quản lý diện tích 1.230,9 m². Ngoài diện tích đất bà X, bà C được ông P đồng ý chia thừa kế tọa lạc ấp Á, ông P còn đồng ý chia cho bà X, bà C mỗi người diện tích khoảng 3.000 m² tọa lạc ấp D. Tại phiên tòa bà Ng nhường phần được hưởng thừa kế lại cho ông P; ông P là con út sống chung với cha mẹ, có công sức chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cha mẹ chết; có công quản lý, duy trì khối tài sản này nên chia thừa kế cho ông P diện tích nhiều hơn đối với Bà X, bà C, bà M là phù hợp, vẫn đảm bảo quyền lợi cho các bên, do đó không chấp nhận kháng cáo bà X, bà C, bà M.

[5] Ghi nhận ông P, bà H đồng ý mở con đường hiện trạng theo sơ đồ đo đạc rộng 04 m, diện tích 463,6 m², có tứ cận: Đông giáp đất ông R, dài 71,6 m + 15,83

m + 32,46 m; Tây giáp đất chia cho ông P, bà X, bà C, bà M (thửa số 300), dài 36,26 m + 12,63 m + 12,09 m + 21,85 m + 19,16 m + 18,64 m; Nam giáp thửa số 6, tờ bản đồ số 38, dài 04 m; Bắc giáp đường đất, dài 04 m để làm lối đi chung cho bà X, bà C, bà M và ông P; ghi nhận các đương sự không tranh chấp đối với tài sản trên đất.

[6] Chia cho ông P diện tích 9.222 m² (gồm có 250 m² đất ONT và 8.972 m² đất CLN), một phần thửa số 218, 229, bản đồ số 14-4, thửa mới số 300, tờ bản đồ mới số 32, được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 096176 ngày 08-11-1996 do ông Phạm Văn P đứng tên và tài sản trên đất, gồm một nhà xây và cây trồng trên đất (cây cao su và cây trồng khác), đất có tứ cận: Đông giáp đường đất hiện trạng 04 m, dài 36,26 m + 19,16 m; Tây giáp thửa số 301, thửa số 4, dài 7,37 m + 29,70 m + 36,57 m + 34,40 m + 8,50 m + 10,76 m; Nam giáp đất chia cho bà X, bà C, bà M và thửa số 5, 6, tờ bản đồ số 38, dài 64,83 m + 24,07 m + 8,40 m + 11,13 m + 21,35 m; Bắc giáp thửa số 282, 284, dài 11,10 m + 11,09 m + 56,75 m + 8,90 m, tọa lạc ấp Ân, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

[7] Chia cho bà X diện tích 1.000 m² (trong đó có 50 m² đất ONT và 950 m² đất CLN), một phần thửa số 218, 229, bản đồ số 14-4, thửa mới số 300, tờ bản đồ mới số 32, được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08-11-1996 do ông Phạm Văn P đứng tên và tài sản trên đất gồm một nhà xây và cây trồng trên đất, trong đó có 03 cây cao su do ông P, bà H trồng từ năm 2011; đất có tứ cận: Đông giáp đường đất hiện trạng 04 m, dài 12,63 m + 12,09 m; Tây giáp đất chia cho ông P thửa số 300, dài 20,73 m; Nam giáp đất chia cho bà C, dài 42,44 m + 5,63 m; Bắc giáp đất chia cho ông P thửa số 300, dài 35,33 + 5,59 m tọa lạc ấp Ân, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

[8] Chia cho bà C diện tích 1.000 m² (trong đó có 50 m² đất ONT và 950 m² đất CLN), một phần thửa số 218, 229, bản đồ số 14-4, thửa mới số 300, tờ bản đồ mới số 32, được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08-11-1996 do ông Phạm Văn P đứng tên và tài sản là cây trồng trên đất, trong đó có 04 cây cao su do ông P, bà H trồng từ năm 2011; đất có tứ cận: Đông giáp đường đất hiện trạng 04 m, dài 21,85 m; Tây giáp đất chia cho ông P thửa số 300, dài 20,75 m; Nam giáp đất chia cho ông P thửa số 300, dài 40,42 m + 5,67 m; Bắc giáp đất chia cho bà X, dài 42,44 m +

5,63 m tọa lạc ấp Á, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Ghi nhận ông P, bà H không yêu cầu bà X, bà C trả lại giá trị 07 (bảy) cây cao su ông, bà trồng trên đất chia cho bà X, bà C.

[9] Chia cho bà M diện tích 1.230,9 m² (trong đó có 50 m² đất ONT và 1.180,9 m² đất CLN), một phần thửa số 218, 229, bản đồ số 14-4, thửa mới số 300, tờ bản đồ mới số 32, được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08-11-1996 do ông Phạm Văn P đứng tên và tài sản trên đất, gồm một nhà tạm và cây trồng trên đất; đất có tứ cận: Đông giáp đường đất hiện trạng 04 m, dài 18,64 m; Tây giáp phần đất bà M đã chuyển nhượng cho ông P, dài 24,07 m; Nam giáp thửa số 6, tờ bản đồ số 38, dài 32,99 m + 2,56 m + 34,26 m; Bắc giáp đất chia cho ông P thửa số 300, dài 64,83 m tọa lạc ấp Á, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

[10] Ngày 10-10-2019, bà M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông P chia thừa kế diện tích 2.000 m² tọa lạc ấp LĐ, xã LV, huyện C, tỉnh Tây Ninh Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà M, nhưng không tuyên trong phần quyết định của bản án là sai sót, cần rút kinh nghiệm.

[11] Đối với kháng cáo của ông R yêu cầu ông P chia thừa kế diện tích 1.469,5 m², một phần thửa số 218, 229, bản đồ số 14-4, thửa mới số 300, tờ bản đồ mới số 32, được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08-11-1996 do ông Phạm Văn P đứng tên tọa lạc ấp Á, xã Đ tương đương số tiền 293.900.000 đồng và diện tích 4.116 m² tọa lạc ấp LĐ, xã LV tương đương số tiền 90.206.000 đồng thấy rằng, năm 1985 cụ S, cụ Đ đã chia cho ông R diện tích 3.500 m² tọa lạc ấp Á, xã Đ, nhưng diện tích thực tế ông R quản lý, sử dụng diện tích 4.650 m² được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08-11-1996; và chia diện tích 5.000 m² tọa lạc ấp LĐ, xã LV, nhưng thực tế ông R quản lý, sử dụng 6.655 m² được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09-6-1995, tổng cộng 11.305 m², lúc này cụ S đã chết nhưng ông R không cung cấp được văn bản có ý kiến của các anh, em là hàng thừa kế của cụ S đồng ý đối với diện tích ông được cấp giấy, do đó diện tích đất ông R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cũng là di sản thừa kế của cụ S, cụ Đ chết để lại nhưng những người thuộc hàng thừa kế của cụ S, cụ Đ không ai tranh chấp. Ông R được thừa hưởng tài sản của cha, mẹ chết để lại diện tích 11.305 m² đảm bảo

quyền lợi cho ông, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông R yêu cầu ông P chia thừa kế tích đất tổng cộng 5.585,5 m² tương đương số tiền 330.106.000 đồng.

[12] Ghi nhận bà Phạm Thị N, ông Phạm Văn To, bà Phạm Thị S, bà Phạm Thị Ng và chị Phạm Thị Ngọc T (con ông A) không yêu cầu chia di sản thừa kế cụ S, cụ Đ chết để lại là diện tích đất mà ông P đang quản lý, sử dụng.

[13] Ghi nhận ông P tự nguyện chia thừa kế bà X, bà C diện tích 5.924,9 m², tại các thửa số 279, 280, 281, 314, tờ bản đồ số 04; thửa mới số 10, 14, 27, 28, 40, tờ bản đồ mới số 31 được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 731744 ngày 12-10-1996 do ông Phạm Văn P đứng tên; đất có tứ cận: Đông giáp nương nước, dài 27,78 m + 35,37 m + 40,88 m; Tây giáp các thửa số 15, 29, 39, dài 29,27 m + 20 m + 13,09 m + 31,65 m + 20,11 m; Nam giáp đường bờ, dài 63,2 m + 12 m; Bắc giáp tờ bản đồ số 24, dài 26,76 m + 21,2 m tọa lạc ấp D, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

[14] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà X, bà C, bà M và ông R; chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

[15] Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (sơ, phúc thẩm): Tổng cộng số tiền 37.920.00 đồng; bà X, bà C, bà M, ông P, ông R mỗi người phải chịu một phần tương ứng với số tiền 7.584.000 đồng; ghi nhận ông R đã ứng nộp và đã thanh toán xong, nên bà X, bà C, bà M, ông P mỗi người phải nộp số tiền 7.584.000 đồng để trả lại cho ông R.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà X, bà C, ông R là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà M, ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản được chia theo quy định của pháp luật.

[17] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà X, bà C, ông R được miễn án phí dân sự phúc thẩm; bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 620, 623, 649, 651, 652 Bộ luật dân sự; các Điều 147, 148, 156, 165 và Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 105, 106 Luật Đất đai; điểm a khoản 7 Điều 27, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn R; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2019/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị M đối với ông Phạm Văn P và bà Trần Ngọc H về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

1.1. Chia cho bà Phạm Thị X diện tích 1.000 m² (gồm có 50 m² đất ONT và 950 m² đất CLN), một phần thửa số 218, 229, bản đồ số 14-4, thửa mới số 300, tờ bản đồ mới số 32, được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 096176 ngày 08-11-1996 do ông Phạm Văn P đứng tên và tài sản trên đất gồm một nhà xây và cây trồng trên đất, trong đó có 03 cây cao su do ông P, bà H trồng từ năm 2011; đất có tứ cận: Đông giáp đường đất hiện trạng 04 m, dài 12,63 m + 12,09 m; Tây giáp đất chia cho ông P thửa số 300, dài 20,73 m; Nam giáp đất chia cho bà C, dài 42,44 m + 5,63 m; Bắc giáp đất chia cho ông P thửa số 300, dài 35,33 m + 5,59 m tọa lạc ấp Ấ, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

1.2. Chia cho bà Phạm Thị C diện tích 1.000 m² (gồm có 50 m² đất ONT và 950 m² đất CLN), một phần thửa số 218, 229, bản đồ số 14-4, thửa mới số 300, tờ bản đồ mới số 32, được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 096176 ngày 08-11-1996 do ông Phạm Văn P đứng tên và tài sản là cây trồng trên đất, trong đó có 04 cây cao su do ông P, bà H trồng từ năm 2011; đất có tứ cận: Đông giáp đường đất hiện trạng 04 m, dài 21,85 m; Tây giáp đất chia cho ông P thửa số 300, dài 20,75 m; Nam giáp đất chia cho ông P thửa số 300, dài 40,42 m + 5,67 m; Bắc giáp đất giáp đất chia cho bà X, dài 42,44 m + 5,63 m tọa lạc ấp Ấ, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

1.3. Chia cho bà Phạm Thị M diện tích 1.230,9 m² (gồm có 50 m² đất ONT và 1.180,9 m² đất CLN), một phần thửa số 218, 229, bản đồ số 14-4, thửa mới số 300, tờ bản đồ mới số 32, được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 096176 ngày 08-11-1996 do ông Phạm Văn P đứng tên và tài sản trên đất, gồm một nhà tạm và cây trồng trên đất; đất có tứ cận: Đông giáp đường đất hiện trạng 04 m, dài 18,64 m; Tây giáp phần đất bà M đã chuyển nhượng cho ông P, dài 24,07 m; Nam giáp thửa số 6, tờ bản đồ số 38, dài 32,99 m + 2,56 m + 34,26 m; Bắc giáp đất chia cho ông P thửa số 300, dài 64,83 m tọa lạc ấp Ân, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

1.4. Ông Phạm Văn P được chia diện tích 9.222 m² (gồm có 250 m² đất ONT và 8.972 m² đất CLN), một phần thửa số 218, 229, bản đồ số 14-4, thửa mới số 300, tờ bản đồ mới số 32, được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 096176 ngày 08-11-1996 do ông Phạm Văn P đứng tên và tài sản trên đất, gồm một nhà xây và cây trồng trên đất đất có tứ cận: Đông giáp đường đất hiện trạng 04 m, dài 36,26 m + 19,16 m; Tây giáp thửa số 301, thửa số 4, dài 7,37 m + 29,70 m + 36,57 m + 34,40 m + 8,50 m + 10,76 m; Nam giáp đất chia cho bà X, bà C, bà M và thửa số 5, 6, tờ bản đồ số 38, dài 64,83 m + 24,07 m + 4,85 m + 8,40 m + 11,13 m + 21,35 m; Bắc giáp thửa số 282, 284, dài 14,10 m + 11,09 m + 56,75 m + 8,90 m tọa lạc ấp Ân, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

1.5. Ghi nhận ông Phạm Văn P tự nguyện chia cho bà Phạm Thị X và bà Phạm Thị C diện tích 5.924,9 m², tại thửa số 279, 280, 281, 314, tờ bản đồ số 04; thửa mới số 10, 14, 27, 28, 40, tờ bản đồ mới số 31 được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 731744 ngày 12-10-1996 do ông Phạm Văn P đứng tên; đất có tứ cận: Đông giáp ruộng nước, dài 27,78 m + 35,37 m + 40,88 m; Tây giáp các thửa số 15, 29, 39, dài 29,27 m + 20 m + 13,09 m + 31,65 m + 20,11 m; Nam giáp đường bờ, dài 63,2 m + 12 m; Bắc giáp tờ bản đồ số 24, dài 26,76 m + 21,2 m tọa lạc ấp D, xã Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

2. Ông Phạm Văn P, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với diện tích đất được chia, có tứ cận và tọa lạc như trên.

3. Ghi nhận ông Phạm Văn P và bà Trần Ngọc H đồng ý mở con đường hiện trạng theo sơ đồ đo đạc rộng 04 m, diện tích 463,6 m², có tứ cận: Đông giáp đất ông R, dài 71,6 m + 15,83 m + 32,46 m; Tây giáp đất chia cho ông P, bà X, bà C, bà M (thửa số 300), dài 36,26 m + 12,63 m + 12,09 m + 21,85 m + 19,16 m + 18,64 m; Nam giáp thửa số 6, tờ bản đồ số 38, dài 04 m; Bắc giáp đường đất, dài 04 m để làm lối đi chung cho bà X, bà C, bà M và ông P; ghi nhận các đương sự không tranh chấp đối với tài sản trên đất.

4. Đình chỉ phần rút yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M đối với ông Phạm Văn P trả lại diện tích 2.000 m² tọa lạc ấp LĐ, xã LV, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Văn R yêu cầu ông Phạm Văn P và bà Trần Ngọc H chia diện tích đất tổng cộng 5.585,5 m² tương đương số tiền 330.106.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu, một trăm lẻ sáu nghìn đồng).

6. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng số tiền 37.920.00 đồng (ba mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi nghìn). Bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị M, ông Phạm Văn P, ông Phạm Văn R mỗi người phải chịu 7.584.000 đồng (bảy triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng); ghi nhận ông R đã ứng nộp số tiền 37.920.00 đồng (ba mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi nghìn) và thanh toán xong, nên ông P, bà X, bà C, bà M mỗi người phải nộp số tiền 7.584.000 đồng (bảy triệu, năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng) để trả lại cho ông R.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

7.1. Bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị C và ông Phạm Văn R được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà X 2.125.000 đồng (hai triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004840 ngày 28-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả lại cho bà C 2.125.000 đồng (hai triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004841

ngày 28-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh.

7.2. Bà Phạm Thị M phải chịu 12.309.000 đồng (mười hai triệu, ba trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 4.650.000 đồng (bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo 02 biên lai số 0004857 ngày 04-12-2017 và biên lai số 0008089 ngày 14-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh; bà M còn phải nộp 7.659.000 đồng (bảy triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn đồng).

7.3. Ông Phạm Văn P phải chịu 67.332.000 đồng (sáu mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm:

8.1. Bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị C và ông Phạm Văn R được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà C 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0008166 ngày 29-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh.

8.2. Bà Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008165 ngày 29-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thị xã H;
- CCTHADS thị xã H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Vũ